|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Biểu số: 0605.N.LĐVL**  *Kèm theo Thông tư số 18/2025/TT-BNV ngày 08 tháng 10 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ*  Ngày nhận báo cáo: Ngày 28 tháng 02 năm sau | **SỐ NGƯỜI LAO ĐỘNG ĐƯỢC HỖ TRỢ TẠO VIỆC LÀM, DUY TRÌ VÀ**  **MỞ RỘNG VIỆC LÀM TỪ QUỸ QUỐC GIA VỀ VIỆC LÀM**  Năm:……….. | Đơn vị báo cáo:  Đơn vị nhận báo cáo:  Cục Việc làm |

*Đơn vị tính: Người*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Chỉ tiêu | Mã số | Số người lao động được tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm từ Quỹ Quốc gia về việc làm | |
|  |  | Tổng | Trong đó: Nữ |
| A | B | 1 | 2 |
| **Tổng số** | ***01*** |  |  |
| ***Chia theo các tổ chức thực hiện chương trình*** |  |  |  |
| ***…………..*** | 01x |  |  |
| ***…………..*** | 01y |  |  |
| **Chia theo nhóm tuổi** | ***02*** |  |  |
| - Từ 30 trở xuống | 021 |  |  |
| - Từ 31 đến 40 | 022 |  |  |
| - Từ 41 đến 50 | 023 |  |  |
| - Từ 51 đến 60 | 024 |  |  |
| - Trên 60 tuổi | 025 |  |  |

**Biểu số: 0605.N.LĐVL. Số người lao động được hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm từ Quỹ Quốc gia về việc làm**

**1. Khái niệm, phương pháp tính**

Số người lao động được tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm từ Quỹ Quốc gia về việc làm trong kỳ báo cáo là số lao động được tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm thông qua các dự án vay vốn từ Quỹ Quốc gia về việc làm.

Số người lao động được tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm từ Quỹ Quốc gia về việc làm là những người thỏa mãn khái niệm nêu trên trong kỳ báo cáo.

**2. Cách ghi biểu**

Cột 1 ghi Số người lao động được tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm từ Quỹ Quốc gia về việc làm trong kỳ báo cáo tương ứng với chỉ tiêu được phân tổ ở cột A.

Cột 2 ghi Số nữ lao động được tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm từ Quỹ Quốc gia về việc làm trong kỳ báo cáo tương ứng với chỉ tiêu được phân tổ ở cột A.

**3. Nguồn số liệu**

Chế độ báo cáo thống kê ngành Nội vụ.